

**Đầu nối khí dạng T**  
**QBT-3/8T-1/4-U**  
Số bộ phận: 564807

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                        | Giá trị                                                        |
|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                      | Tiêu chuẩn                                                     |
| Chiều rộng định mức                             | 0.197 in                                                       |
| Vị trí lắp đặt                                  | bất kỳ                                                         |
| Thiết kế                                        | Dạng T                                                         |
| Kích cỡ gói                                     | 10                                                             |
| Cấu trúc xây dựng                               | Nguyên tắc đẩy-kéo                                             |
| Áp suất vận hành của khoảng nhiệt độ hoàn chỉnh | 0.095 MPA...1 MPA<br>0.95 bar...10 bar<br>13.775 psi...145 psi |
| Môi chất vận hành                               | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-]                           |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển           | Có thể hoạt động bằng dầu                                      |
| Lớp chống ăn mòn KBK                            | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                       |
| Tuân thủ LABS                                   | VDMA24364 Vùng III                                             |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                  | 0 °C...60 °C                                                   |
| trọng lượng sản phẩm                            | 0.603 oz                                                       |
| Cổng nối khí nén 1                              | đối với ống mềm Ø ngoài 3/8"                                   |
| Cổng nối khí nén 2                              | cho ống mềm bên ngoài Ø 1/4"                                   |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh Fahrenheit       | 32 °F...140 °F                                                 |
| Màu vòng nhả                                    | xám                                                            |
| Ghi chú vật liệu                                | Tuân thủ RoHS                                                  |
| Vật liệu vỏ                                     | PBT                                                            |
| Vật liệu vòng nhả                               | POM                                                            |
| Vật liệu vòng đệm kín ống mềm                   | NBR                                                            |
| Đoạn kẹp ống vật liệu                           | thép không gỉ hợp kim cao                                      |